

Ngày soạn:

BÀI 5:

TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

Thời gian thực hiện: 07 tiết

(Đọc: 04 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng.
- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

2. Về năng lực:

- Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Biết trình bày kết quả nghiên cứu (dưới hình thức thuyết trình) về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

3. Về phẩm chất: Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 44,45 - VĂN BẢN 1:

NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

Thời gian thực hiện: 02 tiết

Giáo viên soạn:

- Nguyễn Thị Lan, TT Giáo dục thường xuyên-Ngoại ngữ, tin học tỉnh Đắk Nông
- Mai Thị Huệ, Trường THPT Yên Dũng số 3, Yên Dũng, Bắc Giang.
- Trần Thị Hoài, Trường THPT Đông Tiền Hải, Tiền Hải, Thái Bình.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng... qua văn bản *Nhân vật quan trọng*.
- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

2. Về năng lực: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Nhân vật quan trọng* để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất: Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- SGK, SGV Ngữ văn 12.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp, phiếu giao nhiệm vụ cho học sinh làm ở nhà.

2. Học liệu:

- SGK, SBT Ngữ văn 12.
- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho học sinh xem trích đoạn “<i>Ông giuốc-đanh mặc lễ phục</i>” trong vở hài kịch “<i>Trưởng giả học làm sang</i>” https://www.youtube.com/watch?v=VHJa8Zx_pkE GV nêu câu hỏi: Sau khi xem xong trích đoạn trên em có nhận xét gì? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về hài kịch. B2. Thực hiện nhiệm vụ: GV yêu cầu hs thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: - Hs chia sẻ, lớp theo dõi, nhận xét và đưa ra ý kiến - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, gợi mở B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.	Gợi ý: Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cớm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng. - Tiếng cười hài kịch cất lên từ sự vênh lệch, không tương thích giữa mục đích và phương tiện thực hiện, bản chất và biểu hiện, hành động và hoàn cảnh, tham vọng cá nhân và các khả năng thực hiện,... - Hài kịch có thể được triển khai theo các hướng khác nhau: bông đùa, hài hước, châm biếm, mỉa mai, tố cáo, đả kích,... - Bằng tiếng cười, hài kịch muốn làm thay đổi cách nhìn của người đọc, người xem về một hiện tượng xã hội nào đó, khẳng định lối sống lành mạnh, lạc quan, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội. Hài kịch đưa ra một kết cục có hậu, vui vẻ đối với người đọc, người xem.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được và nắm vững những thông tin then chốt nhất trong phần Tri thức ngữ văn.

b. Nội dung:

- Đọc nội dung phần Tri thức ngữ văn, gạch chân các từ khóa, tìm hiểu thông tin
- Thảo luận, trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn về nhân vật, tình huống, xung đột, hành động, kết cấu. Học sinh nêu được kiến thức về thủ pháp trào phúng và	Khái niệm: Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cớm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng.

ngôn từ trong hài kịch Hoàn thành phiếu học tập số 1 (làm việc cá nhân) B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn, thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết, nhận xét câu trả lời của bạn B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại những thông tin quan trọng trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> làm nền tảng đọc hiểu văn bản	<table> <tr> <th colspan="2">Đặc điểm của hài kịch</th></tr> <tr> <td rowspan="2">Nhân vật</td><td> Nhân vật chính: - Thường có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc thường xuyên làm lẩn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế - Hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác; mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục. </td></tr> <tr> <td> Nhân vật phụ: - Pha trò châm chích giễu nhại; hài hước tạo không khí suồng sã, vui vẻ - Đại diện cho một lực lượng đối kháng sáng suốt, tiến bộ </td></tr> <tr> <td>Tình huống</td><td> - Tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những ảo tưởng toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người - Có thể là những tình huống hiểu lầm trở trêu, dở khóc dở cười; song không bi đát và luôn có thể giải quyết tốt đẹp. </td></tr> <tr> <td>Xung đột</td><td> - Xung đột được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức lẽ phải...(phần nhiều kẻ ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội </td></tr> <tr> <td>Hành động</td><td> - Chủ yếu là những hành động bên ngoài, những toan tính, ảo tưởng của nhân vật được bộc lộ hết ra lời chứ không phải là những trăn trở nội tâm - Hành động tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những toan tính, ảo tưởng. Diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết </td></tr> <tr> <td>Kết cấu</td><td> Hài kịch được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: - Mở đầu: giới thiệu nhân vật với những thói tật và những toan tính, ảo tưởng - Thắt nút: Đưa nhân vật vào tình huống khó xử - Triển khai: phát triển xung đột - Đỉnh điểm: Toan tính, ảo tưởng tưởng chừng thắng thế. - Kết thúc: Giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo, hay một yếu tố ngẫu nhiên bất </td></tr> </table>	Đặc điểm của hài kịch		Nhân vật	Nhân vật chính: - Thường có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc thường xuyên làm lẩn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế - Hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác; mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục.	Nhân vật phụ: - Pha trò châm chích giễu nhại; hài hước tạo không khí suồng sã, vui vẻ - Đại diện cho một lực lượng đối kháng sáng suốt, tiến bộ	Tình huống	- Tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những ảo tưởng toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người - Có thể là những tình huống hiểu lầm trở trêu, dở khóc dở cười; song không bi đát và luôn có thể giải quyết tốt đẹp.	Xung đột	- Xung đột được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức lẽ phải...(phần nhiều kẻ ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội	Hành động	- Chủ yếu là những hành động bên ngoài, những toan tính, ảo tưởng của nhân vật được bộc lộ hết ra lời chứ không phải là những trăn trở nội tâm - Hành động tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những toan tính, ảo tưởng. Diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết	Kết cấu	Hài kịch được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: - Mở đầu: giới thiệu nhân vật với những thói tật và những toan tính, ảo tưởng - Thắt nút: Đưa nhân vật vào tình huống khó xử - Triển khai: phát triển xung đột - Đỉnh điểm: Toan tính, ảo tưởng tưởng chừng thắng thế. - Kết thúc: Giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo, hay một yếu tố ngẫu nhiên bất
Đặc điểm của hài kịch														
Nhân vật	Nhân vật chính: - Thường có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc thường xuyên làm lẩn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế - Hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác; mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục.													
	Nhân vật phụ: - Pha trò châm chích giễu nhại; hài hước tạo không khí suồng sã, vui vẻ - Đại diện cho một lực lượng đối kháng sáng suốt, tiến bộ													
Tình huống	- Tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những ảo tưởng toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người - Có thể là những tình huống hiểu lầm trở trêu, dở khóc dở cười; song không bi đát và luôn có thể giải quyết tốt đẹp.													
Xung đột	- Xung đột được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức lẽ phải...(phần nhiều kẻ ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội													
Hành động	- Chủ yếu là những hành động bên ngoài, những toan tính, ảo tưởng của nhân vật được bộc lộ hết ra lời chứ không phải là những trăn trở nội tâm - Hành động tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những toan tính, ảo tưởng. Diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết													
Kết cấu	Hài kịch được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: - Mở đầu: giới thiệu nhân vật với những thói tật và những toan tính, ảo tưởng - Thắt nút: Đưa nhân vật vào tình huống khó xử - Triển khai: phát triển xung đột - Đỉnh điểm: Toan tính, ảo tưởng tưởng chừng thắng thế. - Kết thúc: Giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo, hay một yếu tố ngẫu nhiên bất													

		ngờ, dẫn đến sự sụp đổ của những toan tính ảo tưởng làm bật lên tiếng cười.
	Thủ pháp trào phúng	- Hài kịch thường sử dụng những thủ pháp trào phúng như: Tạo tình huống hiểu lầm hài hước, trớ trêu; phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật; Tạo tương phản gây cười, (hoán đổi các cảnh, các vị trí nhân vật, đồ vật một cách nghịch lí, cải trang lộ liễu, đột ngột, biến dạng, mất cân xứng...)
	Ngôn từ trong hài kịch	- Ngôn từ trong hài kịch: từ chỉ dẫn sân khấu, cách gọi tên nhân vật đến đối thoại, độc thoại...sử dụng rất nhiều biện pháp tăng cường tính trào phúng: cường điệu, lặp, nhại, chơi chữ, nói bóng nói gió... - Đối thoại trong hài kịch có khi được tổ chức theo kiểu đối chọi chan chat, ăn miếng trả miếng trong tình huống các nhân vật tố cáo lẫn nhau, có khi được triển khai xoay quanh tình huống ông nói gà bà nói vịt thể hiện sự lệch kênh về ý thức; cũng có khi đột ngột bỏ lửng lời thoại, khiến người đọc, người xem bật cười.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả.
- Thấy được những tác động của cuộc đời, thời đại đến sáng tác của Ni-cô-lai Gô gôn.
- Tóm tắt được vở hài kịch.

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - Đọc, phân tích thông tin qua phần giới thiệu khái quát về tác giả Ni-cô-lai Gô gôn. - Qua tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu về Ni-cô-lai Gô gôn, hãy khái quát một số thông tin cơ bản về tác giả. - Thuyết minh sáng tạo về tác phẩm B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ cá	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả a. Con người và cuộc đời - Ni-cô-lai Gô gôn (1809-1852) là nhà văn, nhà soạn kịch nổi tiếng của văn học Nga nửa đầu thế kỷ XIX. - Ông sinh ra trong một gia đình quý tộc ở tỉnh Pôn-ta-va, nay thuộc U-crai-na. - Năm 1828 Gô gôn từng làm trợ lý cho vụ bất động sản hoàng gia ở Pê-téc-bua một thời gian, hiểu rõ bộ máy công chức thủ đô. -> Ông là một trong những người đặt nền móng phát triển cho sân khấu kịch ở nước Nga và châu Âu hiện đại đầu thế kỷ XIX.

nhân - Cung cấp các tài liệu thu được và tự đánh giá - Thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm B3: Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả, thuyết minh sáng tạo - Thảo luận, phản biện chéo B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận - Nhận xét, đánh giá HS * Nhiệm vụ 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc phần tóm tắt vở hài kịch, nêu xuất xứ, nội dung tư tưởng, nêu vị trí, bố cục, nội dung của đoạn trích. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ - Hoàn thiện câu trả lời B3: Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả - Thảo luận, bổ sung, đánh giá B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận, chốt kiến thức - Nhận xét, khuyến khích hs tích cực	b. Đặc điểm sáng tác - Phần nhiều những tác phẩm hiện thực của Gô – gôn thể hiện cơn mê sảng của thực tại với những hình tượng con người bị đồ vật hóa, thảm hại, trống rỗng, tồn tại như những bóng ma và luôn ám ảnh về sự báo ứng. - Giọng văn trào phúng vừa hài hước, vừa xót xa, vừa đau đáu niềm hi vọng vào một thực tại khác xứng đáng hơn với cuộc sống con người. 2. Hài kịch “Quan thanh tra” a. Hoàn cảnh sáng tác - “Quan thanh tra” là vở hài kịch gồm 5 hồi, sáng tác trên cơ sở một giai thoại do Pu-skin gợi ý - Được viết năm 1835 và xuất bản năm 1836 b. Tóm tắt vở hài kịch - Vở kịch bắt đầu từ thông tin quan thanh tra ở thủ đô Peterburg sẽ đóng giả thường dân về thị sát một thị trấn nhỏ miền nam nước Nga. - Nhận nhầm một gã công chức nhỏ lang thang đến nghỉ lại ở đây là quan thanh tra - Bọn quan chức ở đây lo sợ, tìm cách mua chuộc, hối lộ cho quan lớn, đồng thời nhân dịp này tố cáo, nói xấu nhau để tăng công với quan thanh tra. - Tất cả phoy bày khi quan thanh tra thật xuất hiện.... c. Nội dung tư tưởng Quan thanh tra không chỉ là vở hài kịch đả kích “tất cả những gì tệ hại của nước Nga” đầu thế kỷ XIX, mà còn khơi dậy nỗi đau về sự tồn tại trống rỗng, phi lí của con người và niềm hi vọng vào một cuộc sống tốt đẹp hơn. 3. Đoạn trích “Nhân vật quan trọng” a. Vị trí Thuộc lớp VI, hồi III của hài kịch Quan thanh tra. b. Bố cục: Nương theo lời thoại của nhân vật - Khơ-lét-xta-cốp kẻ bề trên xác lập vị thế xã giao - Khoác lác về vị thế của mình trên cơ sở đảo ngược thân phận - Khoác lác về cuộc sống xa hoa dựa trên những điều nghe lỏm được- Say sưa thả mình vào vai sấm tượng tượng và cuộc đời “đáng sống” hằng mong c. Nội dung - Quan chức địa phương nhằm Khlet-xta- cốp là quan thanh tra. Họ ra sức đối đãi, mời chào, đút lót lấy lòng. - Sự việc vỡ lẽ khi chủ sự bưu điện đọc bức thư mà Khlet-xta-cốp viết. Bức thư mang nội dung chế giễu các quan chức địa phương, lần lượt từng người bị bôi nhọ.
--	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản *Nhân vật quan trọng*.

b. Nội dung:

- HS đọc văn bản và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hệ thống câu hỏi và phiếu học tập
- Tập trung làm rõ các vấn đề như bối cảnh, tình huống và hành động kịch – Nhân vật – Xung đột và kết cấu – Thủ pháp trào phúng và ngôn từ.

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập của HS khi đọc văn bản.
- Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức HS đọc phân vai theo các nhân vật trong trích đoạn B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc nối tiếp văn bản, thực hiện các nhiệm vụ sau khi đọc. B3: Báo cáo, thảo luận - HS căn cứ vào phiếu học tập số 2 đã được giao về nhà để thực hiện nội dung yêu cầu B4: Kết luận, nhận định GV chốt nội dung chính của bối cảnh, tình huống và hành động kịch.	II. Khám phá văn bản 1. Bối cảnh, tình huống và hành động kịch a. Bối cảnh - Tin đồn về quan thanh tra: Thị trưởng và các quan lo sợ vì những hành vi tham nhũng của mình sẽ bị phanh phui. - Tình cờ Khor-lét-xta-cốp - một viên chức quen đến thị trấn nhỏ để nghỉ ngơi bị nhận nhầm là quan thanh tra. Lối kịch diễn ra tại phòng khách nhà thị trưởng. c. Diễn biến của sự nhầm lẫn - Quan chức thị trấn: + Thị trưởng và các quan chức trong thị trấn tìm cách hối lộ ông ta để che giấu tội lỗi của mình. + Vợ và con gái thị trưởng sốt sắng thể hiện mình trước nhân vật quan trọng từ thủ đô tới - Khor-lét-xta-cốp + Lợi dụng việc mình bị nhận nhầm là quan thanh tra để hù dọa các quan chức. Ông ta tỏ ra kiêu căng, hống hách và đòi hỏi nhiều tiền + Khoác lác, khoe khoang bản thân để khuếch trương danh thế. + Công khai tán tỉnh vợ con thị trưởng. - Kết quả + Quan thanh tra thật sự đến thị trấn. Khor-lét-xta-cốp bị phát hiện là kẻ lừa đảo và phải bỏ trốn. + Thị trưởng và các quan chức: bị phanh phui tội lỗi của mình và phải chịu sự trừng phạt c. Tình huống trào phúng Nhận nhầm quan thanh tra. => Tình huống hài hước, trớ trêu, thể hiện sinh động, sâu sắc tính cách nhân vật và chủ đề tư tưởng. 2. Nhân vật Khor-lét-xta-cốp a. Hoàn cảnh thực tế - Khor-lét-xta-cốp vốn là nhân viên thư kí quen, “đoảng vị, không được việc gì” tại văn phòng của một vụ ở Pê-téc-bua, ham bài bạc. Anh ta từng phải rời khỏi thủ đô về tỉnh lẻ, từng phải sống chui lủi để trốn tiền nợ, từng lê la với đám “đào hát” và từng xem “ca kịch vui” bình dân. -> Hoàn cảnh này khiến anh ta biết nhiều đào hát lắm, có biết bắp bồm vài tên nhà báo, nhà văn dù lẫn lộn các tác phẩm thuộc các thể loại khác nhau với tên các tờ báo, tạp
Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản Tìm hiểu nhân vật Khor-lét-xta-cốp B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 3 - Thời gian: 10’ - Sản phẩm: phiếu học tập B2: Thực hiện nhiệm vụ	

- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 3

- Thời gian: 10 phút

B3: Báo cáo thảo luận

- Chia sẻ cảm nhận về nhân vật

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt kiến thức

- Nhận xét và cho điểm
khuyến khích HS thực hiện
nhiệm vụ tốt

- Rút kinh nghiệm

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu các nhân vật tầng lớp quan chức

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 4

- Thời gian: 5'

- Sản phẩm: phiếu học tập

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh thảo

chí.

b. Ảo tưởng về “cuộc sống thượng lưu”

- Thể hiện qua lời thoại, cử chỉ, hành động:

+ Khoe khoang về chiến công: Chém chết mười tám tên
Thổ Nhĩ Kỳ ; Đánh nhau với gấu

+ Khoe khoang về tiền bạc: Có nhiều tiền

+ Khoe khoang về quan hệ: có nhiều bạn bè; Có quan hệ với quan chức

=> Lỗi khoắc lác của Khor-lét-xta-cốp đã vô tình bộc lộ thân phận thật của mình: một viên chức quèn nghèo khổ, thiếu tự tin và khao khát được thăng tiến, được công nhận đồng thời cũng thể hiện sự bất mãn của Khor-lét-xta-cốp với thực trạng xã hội Nga hoàng.

+ Khoe khoang kiến thức văn chương: Nhắc đến tên các tác giả, tác phẩm nổi tiếng, và bình luận về chúng một cách tự tin; Thường xuyên hiểu sai về văn chương; hay gán ghép những ý nghĩa sai lầm cho các tác phẩm, và đưa ra những bình luận phi thực tế ; Sử dụng văn chương để khoe mẽ: thường xuyên trích dẫn những câu thơ, câu văn để thể hiện sự hiểu biết của mình.

-> Khơ-lét-xta-cốp là một người ngu dốt, khoác loác, kiến thức văn chương rất hạn hẹp. Làm nổi bật sự lỗ bịch và thiếu tự nhiên của nhân vật

- Thái độ sống:

+ Khinh bỉ cuộc sống ở tỉnh lẻ, cuộc sống ở tầng lớp dưới của chính mình và cả “dân đen ngu dốt, tối tăm”; khinh bỉ thân phận thư kí quèn của chính mình...

+ Khát khao danh lợi, khát khao cuộc sống xa hoa của những nhân vật tai to mắt lớn

=> Tham lam, háms danh, ảo tưởng về cuộc sống xa hoa của giới thượng lưu.

c. Nghệ thuật tạo tiếng cười

- Tạo tình huống hiểu lầm (nhận lầm Khơ-lét-xta-cốp là quan thanh tra, là “cu lớn”, nhà văn).

- Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật (phóng đại cử chỉ, điệu bộ xã giao, thể hiện nỗi khiếp sợ thái quá, phóng đại cơn cao hứng khoác lác của Khor-lét-xta-cốp).

- Ngôn từ tăng cường tính trào phúng (cường điệu, lặp, nói bóng gió, nói quá, nói lờ, nói không ra tiếng, đôi thoại “ăn miếng trả miếng” tố cáo lẫn nhau,...).

3. Tầng lớp quan chức

a. Bản chất:

- Công khai hà hiếp dân chúng, nhận hối lộ, bê trễ công việc, dò xét, đe dọa lẫn nhau...; ăn chơi, trổng rỗng “Đốt đuốc giữa ban ngày” cũng không thấy có việc gì trong thị trấn có thể coi là tử tế”;...

> Thị trường và đám quan chức thị trấn đã hoàn thành bức tranh thu nhỏ về chế độ chuyên chế cực đoan của xã hội Nga đương thời dưới sự cai trị của Nga Hoàng.

luận và hoàn thành phiếu. B3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày - Phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức nêu thêm một số dẫn chứng mở rộng đoạn cuối của vở kịch quan thanh tra Khor-lét-xta-cốp viết thư cho bạn và nhận xét về quan lại thị trấn như sau: +Thị trưởng “ ngu như một con ngựa thiên lông xám” + Chủ sự bưu vụ “<i>giống thằng Mi-khe-ép... chắc cũng chè rượu và bần tiện như thế</i>” + Ác-tê-mi-phi-líp-pô-vích : “<i>Thằng viện trưởng viện tế bần là một con lợn chính cống đội mũ nời</i>” + Lu-ca lu-kích : “ <i>Thằng kiểm học, người sắc mùi hành</i>” - An-môt phi-ô-do-rô-vích : “<i>Thằng chánh án...thật hết sức mô- ve –tông</i>”. - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm Tìm hiểu các nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na – vợ và con gái thị trưởng B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 5 - Thời gian: 5’ - Sản phẩm: phiếu học tập B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành theo yêu cầu B3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày - Phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm	b. Thái độ trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp - Nhận làm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra, cho nên cung phụng anh ta, đưa hối lộ, lợi dụng cơ hội cầu thân, tiến thân và hạn chế không cho tiếp xúc với những người bị ức hiếp. - Vênh vang, ra oai với kẻ dưới trong ảo vọng thay đổi danh vị. -> Luôn cúi, khúm núm, sợ sệt. mù quáng tin tưởng, thiếu hiểu biết trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp c. Kết quả của việc nhận nhảm quan thanh tra - Thị trưởng vỡ mộng; quan lại tự châm biếm lẫn nhau. - Lo lắng sợ hãi tội độ khi nhận được tin báo: “Quan thanh tra đích thực vừa mới đến thành phố, yêu cầu tất cả tới trình diện” =>”Lời tuyên bố “như sét đánh” làm cho tất cả kinh hoàng, đờ ra như hóa đá”, đẩy đám quan chức thị trấn vào tận bi hài: tiền mất tật mang. d. Nghệ thuật xây dựng chân dung trào phúng - Nghệ thuật phóng đại, cường điệu; tương phản đối lập. - Ngôn ngữ ngoa dụ, mang tính chất mỉa mai, châm biếm. 4. Nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na – vợ và con gái thị trưởng a. Thực chất Vợ (An-na An-đrê-ép-na) và con gái (Ma-ri-a An-tô-nốp-na) thị trưởng là những kẻ đầu óc rỗng tuếch, đòi các rơm, chỉ biết đua đòi học làm sang và hãnh tiến,.... b. Thái độ trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp - Nhận làm Khor-lét-xta-cốp là nhân vật quyền thế, sang trọng, đông đưa cầu thân để làm sang. - Ngõng ngàng vỡ mộng được kết thân với người quyền thế để làm sang, bước vào giới thượng lưu ở thủ đô. -> Nhận xét về nhân vật hài kịch trong Nhân vật quan trọng: nhân vật thường xuyên lầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế, có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu, tô đậm nét đáng cười, chứ không được khai thác qua toàn bộ tiểu sử. c. Thái độ của hai mẹ con với nhau - Sẵn sàng tố cáo, lật tẩy nhau khi có cơ hội => Các nhân vật tự tố cáo, “vạch áo cho người xem lưng” để bộc lộ bản chất thực của mình và tạo ra tiếng cười châm biếm, đả kích sâu cay. d. Nghệ thuật xây dựng chân dung trào phúng - Nghệ thuật phóng đại, cường điệu hóa. - Châm biếm, đả kích nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay. - Thủ pháp “lật tẩy” để các nhân vật tự “tố cáo” lẫn nhau. =>Tạo ra những hình tượng nhân vật độc đáo, hài hước. 5. Kết cấu và xung đột - Kết cấu: Phần 1. Mở đầu: Thị trưởng thông báo về việc quan
--	---

khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm - Tìm hiểu xung đột và kết cấu B1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên dẫn dắt theo nội dung từng phần: Mở đầu, thắt nút, triển khai, đỉnh điểm và kết thúc sau đó yêu cầu học sinh tìm ra xung đột trong vở hài kịch - Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 6 - Thời gian: 5' - Sản phẩm: phiếu học tập B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành theo yêu cầu B3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày - Phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm	thanh tra có thể đã tới thị trấn và nỗi lo sợ của cả đám quan chức trước tin này (hồi I). Phần 2. Thắt nút: Đám quan chức nhận làm Khơ-lét-xta-cốp là quan thanh tra (hồi II). Phần 3. Triển khai: Khơ-lét-xta-cốp hồn nhiên nhập vai quan thanh tra (hồi III); Khơ-lét-xta-cốp thoát đầu còn sợ sùng vụng về vay tiền đám quan chức, tiến tới đòi hỏi, quát nạt để ăn hối lộ công khai cả của người bị hiếp đáp, tận dụng cơ hội để tán tỉnh cả vợ lẫn con gái thị trưởng, cầu hôn với con gái thị trưởng, rồi cao chạy xa bay (hồi IV). Phần 4. Đỉnh điểm: Thị trưởng vênh váo, ra oai với đám dưới quyền, say sưa trong ảo tưởng con gái mình sẽ kết hôn với “quan lớn” thanh tra (lớp I – VII, hồi V). Phần 5: Kết thúc: Chủ sự bư vự đọc trộm thư, phát hiện ra Khơ-lét-xta-cốp không phải là quan thanh tra, một viên hiến binh thành lính xuất hiện, tuyên bố: quan thanh tra đích thực vừa mới đến thành phố; cả bọn đờ ra như hoá đá. (lớp VIII – lớp Cầm, hồi V). - Xung đột: Mâu thuẫn giữa những toan tính, ảo tưởng trong cuộc sống tẻ nhạt, trống rỗng của các nhân vật với hoàn cảnh thực tế. -> Nhận xét về kết cấu và xung đột của vở kịch: Nét đặc sắc của kết cấu và xung đột trong hài kịch Quan thanh tra là tổ chức vở kịch xoay quanh thói khoác lác, ảo tưởng của Khơ-lét-xta-cốp (xuất hiện từ hồi II, biến mất ở cuối hồi IV). Nó trở thành điểm hội tụ tất cả những sự tẻ nhạt của toàn bộ đám quan chức, trưởng giả trong thị trấn. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thủ pháp trào phúng tạo tình huống hiểu lầm (nhận làm Khơ-lét-xta-cốp là quan thanh tra, là “cụ lớn”, nhà văn). - Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật (phóng đại cử chỉ, điệu bộ xã giao, thể hiện nỗi khiếp sợ thái quá, phóng đại cơn cao hứng khoác lác của Khơ-lét-xta-cốp). - Tạo tương phản gây cười (lời khoác lác về cuộc sống thượng lưu cùng vị thế quan trọng của Khơ-lét-xta-cốp tương phản gay gắt với thân phận thực tế của nhân vật,...). - Ngôn từ tăng cường tính trào phúng (cường điệu, lặp, nói bóng gió, nói quá, nói lờ, nói không ra tiếng, đối thoại “ăn miếng trả miếng” tố cáo lẫn nhau,...). 2. Nội dung Đoạn trích lên án “thói Khơ-lét-xta-cốp”, thói khoác lác, ảo tưởng – bắt nguồn từ mặc cảm về thân phận nhỏ mọn của chính nhân vật trong thực tế. Thói tật này không hướng con người tới hành động khắc phục khiếm khuyết, vươn lên trong cuộc sống mà chỉ tạo ra cảm giác tự mãn, say sưa với những lời tâng bốc, làm cho cuộc sống không thể thay đổi; tệ hơn nữa, khi ảo tưởng tan vỡ, thói tật này
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Kết nối đọc – viết
- Học sinh phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

b. Nội dung

- GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu
- Thực hiện tại lớp: 15 phút

c. Sản phẩm: Bài làm của HS: đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của em về cách khắc phục “thói quen Khơ-lét-xta-cốp” B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: HS suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. - Thời gian: 15 phút B3: Báo cáo thảo luận - Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định – GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định. – GV thu sản phẩm thực hành luyện tập, vận dụng của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.	Để viết đúng yêu cầu, HS cần có chủ kiến khi viết đoạn văn

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Nhân vật quan trọng* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Theo bạn, thói Khơ-lét-xta-cốp bắt nguồn từ đâu và có thể gây ra những hậu quả gì? Nêu suy nghĩ của bạn về nhận định của Gogol: “*ít ai tránh được việc trở nên giống Khơ-lét-xta-cốp, dù chỉ một lần trong đời*”

c. Sản phẩm: Bài chuẩn bị của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ. HS làm bài tập về nhà như mục <i>Nội dung</i> và yêu cầu nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và báo cáo vào buổi học sau. B2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. B 3. GV tổ chức báo cáo. GV chỉ định các nhóm HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). B4. GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS, bình luận về bài học và kết luận.	Sản phẩm: bài viết, bài thuyết minh sáng tạo, trình chiếu của HS

4. Củng cố: Hs lưu ý cách khai thác một văn bản kịch

5. HDVN: Hs ôn tập lại kiến thức đã học, chuẩn bị văn bản 2

Ngày soạn:

BÀI 5:

Tiết 46,47 - VĂN BẢN 2:

TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

GIẤU CỬA

(Lộng Chương)

Thời gian thực hiện: 2 tiết

Giáo viên soạn:

- **Vũ Thị Quyên, Trường THPT Lương Thế Vinh, Hồng Bàng, Hải Phòng.**
- **Trần Thị Mỹ Phương, Trường THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh, Đắk Nông.**
- **Đoàn Thị Tuyết Nhung, Trường THPT Việt Bắc, TP Lạng Sơn, Lạng Sơn.**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS hiểu sâu sắc về hài kịch hiện đại và ý nghĩa thực tiễn mà tác giả truyền tải qua văn bản.

2. Về năng lực:

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và nghệ thuật của một vở hài kịch hiện đại (xung đột kịch, hành động, nhân vật, ngôn ngữ, tình huống,...) qua văn bản “Giấu cửa” - Lộng Chương.
- HS hiểu được giá trị của tiếng cười phê phán những thói hư, tật xấu của con người mà tác giả hài kịch đề cập đến.
- HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua văn bản “Giấu cửa” để đọc hiểu một số tác phẩm hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất:

- HS biết suy nghĩ và hành động vì xã hội, tránh lối suy nghĩ nhỏ nhen, ti tiện, ích kỉ trong cuộc sống.
- HS biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội, sống có khát vọng, vui tươi, tự nhiên, trung thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- KHBD, Bài giảng Powpoint
- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/TV, máy tính kết nối mạng.
- Học liệu: tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho hs ở nhà.

2. Học liệu

- Sgk Ngữ văn 12, sách bài tập (nếu có), soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- Hs tạo được hưng phấn và tâm thế để khám phá trọng tâm bài học.

- Nhận biết và nêu ý nghĩa của những câu chuyện hài trong văn chương và trong cuộc sống.

b. Nội dung

- Vận dụng tri thức về cuộc sống và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề.
- Hs biết độc lập suy nghĩ, làm chủ tình huống để có tư duy tiếp cận nội dung bài học.
- GV động viên, khích lệ học sinh tự bộc lộ cảm xúc trước một vấn đề.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu cho hs xem một đoạn video tóm tắt vở hài kịch Lão hà tiện - Mô-li-e và yêu cầu hs rút ra ý nghĩa. https://youtu.be/Dd2HpvhuxQ4?si=wwZEP7hmBxZCM-oK	*Hs nhận nhiệm vụ và thực hiện
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV yêu cầu hs thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ	
Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - Hs chia sẻ, lớp theo dõi, nhận xét và đưa ra ý kiến - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, gợi mở	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu vài nét về tác giả, tác phẩm và đọc văn bản

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kỹ năng nắm bắt thông tin về tác giả để góp phần khám phá văn bản
- Nắm bắt được thông tin về xuất xứ của đoạn trích trong một tác phẩm.
- HS biết cách đọc văn bản hài kịch hiện đại.

b. Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS dựa vào sgk, tham khảo các nguồn tài liệu để nắm thông tin.
- GV hướng dẫn hs thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả của hs.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm. B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chuẩn bị bài ở nhà và thực hiện yêu cầu chỉ ra thông tin về tác giả, tác phẩm B2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS tham khảo sgk, các nguồn tài liệu để thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - Hs báo cáo kết quả tại lớp (TV/Máy chiếu, sơ đồ tư duy). GV tổ chức cho hs khác góp ý, nhận xét, bổ sung hoàn thiện B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của hs.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Lộng Chương (1918-2003), quê Hải Dương. - Ông là đạo diễn sân khấu, nhà văn, nhà viết kịch tiêu biểu thuộc thế hệ văn nghệ sĩ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Pháp. - Sáng tác ở nhiều thể loại như: tuồng, chèo nhưng thành công nhất ở hài kịch (Mối lo cụ Cửu-1950, Hối vợ -1958, Quần-1960,...) - Ông được nhận giải thưởng HCM về Văn học nghệ thuật năm 2000.

Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS đọc văn bản B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu hs đọc văn bản Phân vai đọc (chú ý thể đọc và cước chú). B2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs dựa vào sgk để thực hiện yêu cầu B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gọi Hs báo cáo theo yêu cầu và cho Hs đánh giá, nhận xét chéo. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá và bổ sung theo Dự kiến sản phẩm.	2. Tác phẩm - Tóm tắt “Quần” - Vị trí đoạn trích *Độc - Hs đọc văn bản (phân vai) - Chú ý thể chỉ dẫn trong khi đọc Chú ý lời chỉ dẫn sân khấu như tính ước lệ, tính dân gian, tính biểu cảm.
---	--

Nội dung 2: Hướng dẫn HS khám phá văn bản

a.Mục tiêu

- HS nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của hài kịch.
- Hs hiểu ý nghĩa tiếng cười trong cuộc sống, thông qua đó hình thành cho bản thân về một lối sống lành mạnh và biết cười những thói hư tật xấu của con người.

b.Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn hs thực hiện và trình bày.

c.Sản phẩm: Kết quả của hs.

d.Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu <i>Tình huống hài kịch</i> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm (theo cặp) yêu cầu hs thảo luận và hoàn thành PHT số 1. <i>-Khái niệm tình huống hài kịch</i> <i>-Xác định tình huống hài kịch diễn ra trong văn bản.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ GV cho hs báo cáo kết quả làm việc theo nhóm (đại diện nhóm trình bày) để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện. - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá và bổ sung	II. Khám phá văn bản 1.Tình huống hài kịch * Là tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người”, “những tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười”. * Tình huống hài kịch trong văn bản: Hai nhân vật Ông Đại Cát và bà Đại Cát vì muốn giữ tài sản, trốn tránh chủ trương công tư hợp doanh mà lo lắng tìm mọi cách “giấu của” trong chính những bức ảnh chân dung của mình và của bà mẹ (cụ Đại Lợi) trong phòng khách nhà họ. Vì sợ lộ họ lại bàn xem giấu ở nơi nào khác cho không bị phát hiện. - Tình huống gây cười nhỏ: Họ ngã vào nhau trong bóng tối, hiểu lầm khi đối thoại ... 2. Các yếu tố của hài kịch * <u>Nhân vật</u> : - Nhân vật chính: Ông Đại Cát, bà Đại Cát, nhân vật phụ: U Trinh => đây là các nhân vật trào phúng được thể hiện qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động...gây cười. * <u>Xung đột kịch</u> : - Lí tưởng: Mong muốn giấu của của hai ông bà Đại

kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các yếu tố của hài kịch trong văn bản. Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp làm việc theo nhóm yêu cầu thảo luận và hoàn thành PHT 2. - <i>Tìm hiểu các yếu tố của hài kịch</i> + Nhân vật + Xung đột kịch + Hành động + Ngôn ngữ + Kết cấu + Thủ pháp trào phúng Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ GV cho HS báo cáo đề cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện. GV lắng nghe hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm.	cát. Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích cóp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh - Thực tế: hai ông bà bị “quần” (loay hoay, bế tắc trong việc giấu của: ngôn ngữ: run rẩy, ngộ nghĩnh, than vãn về số phận, trách móc lẫn nhau, oán trách cuộc đời; lúng túng thể hiện sự hoảng loạn và mất bình tĩnh, hoang mang, lo lắng, hốt hoảng, chạy đi chạy lại, không biết phải làm gì...) => mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất với xu thế xã hội. Từ đó tạo ra tiếng cười của hài kịch (vênh lệch giữa lí tưởng và thực tế). <u>* Hành động</u> + Hai ông bà loay hoay tìm chỗ giấu của “cát trong két ngay đầu giường”, “đem chôn”,... và sự hiểu nhầm giữa giấu của và bức ảnh của hai người. + Những hành động ngớ ngẩn của họ khiến cho tình huống trở nên hài hước. => chủ yếu là hành động bên ngoài, những toan tính của nhân vật bộc lộ qua lời thoại giúp tô đậm nét tính cách, tính chất cực đoan của hai nhân vật => tạo nên tiếng cười. <u>* Ngôn ngữ:</u> + Ngôn ngữ đối thoại sử dụng các thủ pháp cường điệu, tương phản, lặp, nhại chơi chữ, bóng gió, nói lái, nói quá, nói lỡ, nói k ra tiếng... <u>* Kết cấu:</u> Kết cấu hài kịch được tổ chức trên cơ sở hành động “giấu của”: - Phần 1: Mở đầu: giới thiệu các nhân vật với thói tật và những toan tính. - Phần 2. Thất nút: Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích cóp được bấy lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh. - Phần 3. Triển khai: Hai ông bà một mặt giấu vàng sau mấy bức ảnh trong phòng khách, mặt khác đi sắm sửa của hồi môn cho con gái để tẩu tán tài sản. - Phần 4. Đỉnh điểm: Cụ Đại Lợi (mẹ Đại Cát) và e gái Đại Cát biết tin này, cũng đòi đc chia tài sản. Con gái Đại Cát là Thúy Trinh và người yêu cô (Hùng) là những thanh niên hăng hái tham gia lao động sản xuất, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của nhà nước. - Phần 5. Kết thúc: U Trinh người làm công trong gia đình tình cờ biết được chỗ hai ông bà Đại Cát giấu của đã mách với Trinh và Hùng. <u>* Thủ pháp trào phúng</u>
---	---

Nhiệm vụ 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Nghệ thuật sân khấu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 2 nhóm yêu cầu thảo luận và tìm hiểu vấn đề.
Tìm hiểu Nghệ thuật sân khấu.
Nếu bản thân là đạo diễn sân khấu thì cần lưu ý diễn viên như thế nào ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV cho HS báo cáo kết quả làm việc cặp đôi để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.
- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động HS theo mục Sản phẩm.

- Tạo tình huống hài hước: trạng thái “quẫn” của hai ông bà Đại Cát

- Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ của nhân vật, sử dụng các chi tiết hiểu lầm (ngã vào nhau, nói thảm, nói k ra tiếng...)

=> tạo tình huống trớ trêu, oái ăm -> tạo tiếng cười.

3. Nghệ thuật sân khấu

a. Vai trò của chi tiết lặp lại

Việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh trong lời chỉ dẫn sân khấu ở phần đầu và phần cuối đoạn trích “Giấu của” của Lộng Chương gợi ra những suy nghĩ sau:

- Nhấn mạnh vai trò của những tấm ảnh

+ Những tấm ảnh được lặp đi lặp lại hai lần, cho thấy tầm quan trọng của chúng trong “quần” của nhân vật.

+ Những tấm ảnh là biểu tượng cho truyền thống, lịch sử và giá trị đạo đức của gia đình.

- Tạo sự đối lập

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh ở đầu và cuối tác phẩm tạo sự đối lập về tâm trạng của nhân vật.

+ Ở đầu tác phẩm, nhân vật vui vẻ, hạnh phúc khi nhìn những tấm ảnh.

+ Ở cuối tác phẩm, nhân vật buồn bã, thất vọng khi nhìn những tấm ảnh.

- Gợi ra suy ngẫm

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh gợi ra cho người đọc suy ngẫm về sự thay đổi của cuộc đời.

+ Cuộc đời có thể thay đổi bất cứ lúc nào, con người cần phải biết trân trọng những gì mình đang có.

- Tăng tính nghệ thuật

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh góp phần tăng tính nghệ thuật cho tác phẩm.

+ Nó tạo nên sự liền mạch, thống nhất cho tác phẩm và giúp tác phẩm thêm sâu sắc.

- Ngoài ra, việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh còn có thể gợi ra những suy nghĩ khác, tùy thuộc vào cách nhìn nhận của mỗi người đọc.

+ Lần đầu tiên: "Trên bàn thờ, di ảnh cụ tổ, cụ cố, cụ nội, cụ ngoại... đều được treo trang trọng."

+ Lần thứ hai: "Bà Phán nhìn di ảnh cụ tổ, cụ cố, cụ nội, cụ ngoại... rồi nhìn ba đứa con đang quỳ lạy trước bàn thờ" Việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh trong lời chỉ dẫn sân khấu ở phần đầu và phần cuối đoạn trích "Giấu của" của Lộng Chương là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Nó góp phần làm cho tác phẩm thêm sâu sắc, ý nghĩa và gợi ra

	cho người đọc nhiều suy nghĩ: Suy nghĩ về sức mạnh của ký ức; Suy nghĩ về thời gian, thời gian trôi đi không thể xóa nhòa quá khứ, mà chỉ có thể giúp con người trưởng thành và đối mặt với những ký ức của mình. Nếu đạo diễn cần lưu ý diễn viên b.Những điều cần lưu ý diễn viên nếu là đạo diễn vở kịch “Giấu của”. Diễn viên cần: + Thể hiện tính cách nhân vật: Ông bà Đại Cát: Tham lam, bủn xỉn, lo lắng, sợ hãi, ngu ngốc, hèn nhát,.. + Thể hiện tâm trạng nhân vật Ông bà Đại Cát: Lo lắng, sợ hãi, hoang mang, bế tắc. + Ngôn ngữ và hành động Phải phù hợp với tính cách và tâm trạng nhân vật. Phải thể hiện được sự hài hước, châm biếm của tác phẩm. + Kỹ thuật sân khấu Sử dụng ánh sáng, âm nhạc Sử dụng đạo cụ để tăng hiệu quả sân khấu. + Diễn xuất Diễn xuất phải tự nhiên, sinh động, thuyết phục; tương tác tốt với nhau. + Ngoài ra, đạo diễn cần lưu ý Thể hiện được thông điệp của tác phẩm. Dàn dựng một vở kịch thành công là một việc không dễ dàng. Đạo diễn cần phải có chuyên môn và kinh nghiệm. Diễn viên cần phải có tài năng và sự nỗ lực để thể hiện ý đồ nghệ thuật.
--	---

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1

GIẤU CỦA (Trích - Quần của Lộng Chương)

Tìm hiểu *Tình huống hài kịch*

+ Khái niệm

.....

.....

+ Tình huống hài kịch trong văn bản

.....

.....

.....

PHT2

Phiếu học tập số 2

GIẤU CỦA (Trích - Quần của Lộng Chương)

Tìm hiểu *Các yếu tố của hài kịch*

+ Nhân vật

.....

.....

.....
+ *Xung đột kịch*
.....

.....
+ *Hành động*
.....
.....

.....
+ *Ngôn ngữ*
.....
.....

.....
+ *Kết cấu*
.....
.....

.....
+ *Thủ pháp trào phúng*
.....
.....

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

- HS hiểu một cách sâu sắc về điểm nhìn trần thuật trong một tác phẩm tự sự.
- HS biết cách thể hiện vấn đề bằng sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để tìm hiểu vấn đề: + Bạn thấy hai nhân vật “đáng cười” trong đoạn trích này đáng ghét hay đáng thương? Tại sao?	* HS có thể có nhiều cách kiến giải khác nhau, sau đây là một số gợi ý - Đáng cười + Hành động lộ bịch, thể hiện ở hai nhân vật này liên tục thực hiện những hành động lộ bịch, tìm mọi cách để che giấu của. Những hành động này khiến họ trở nên rục cười và thiếu đi sự tôn trọng đối với người khác.
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.	+ Sự ích kỷ, thể hiện họ chỉ quan tâm đến việc giấu của mà không màng đến những ảnh hưởng tiêu cực mà nó có thể gây ra cho xã hội.
Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS lên trình bày sản phẩm của mình qua (Máy chiếu, Tivi...) cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.	+ Sự giả tạo, họ cố gắng che giấu bản chất thật của mình bằng những lời nói dối và hành động giả tạo. - Đáng thương + Nỗi sợ hãi, ông bà Đại Cát này hành động như vậy vì họ sợ hãi bị mất của. Nỗi sợ hãi này khiến họ trở

GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV cho HS nhận xét chéo, chốt kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm.	nên mất kiểm soát và có những hành động phi lý. + Sự yếu đuối, bộ lộ họ không đủ mạnh mẽ để đối mặt với sự thật và giải quyết vấn đề một cách trực tiếp. + Sự cô đơn, họ bị cô lập bởi bí mật của mình và không thể chia sẻ nó với bất kỳ ai. Hai nhân vật này "đáng cười" vì những hành động lố bịch và ích kỷ của họ. Tuy nhiên, họ cũng "đáng thương" vì nỗi sợ hãi, sự yếu đuối và sự cô đơn mà họ đang trải qua. Cảm xúc của người đọc đối với hai nhân vật này có thể thay đổi tùy thuộc vào cách họ nhìn nhận vấn đề. Một số người có thể cảm thấy tức giận với sự lố bịch và ích kỷ của họ, trong khi những người khác có thể cảm thấy thương xót cho nỗi sợ hãi và sự yếu đuối của họ.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- HS biết cách liên hệ thể loại văn học để làm rõ vấn đề từ một tác phẩm văn học cụ thể.
- HS biết cách đọc tích cực từ văn bản để tự bồi đắp kinh nghiệm sống, hình thành thái độ ứng xử nhân văn trước cuộc đời.

b. Nội dung

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kỹ năng để liên hệ mở rộng.
- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và tìm hiểu vấn đề: + Chỉ ra xung đột giữa thực tế và lí tưởng được thể hiện trong đoạn trích.	* HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý - Lí tưởng của nhân vật + Ông Bà Đại Cát: Muốn giữ gìn của cải cho gia đình. + Cô Trinh: Muốn giúp đỡ những người nghèo khổ.
Bước 2: HS nhận nhiệm vụ thực hiện - HS thực hiện yêu cầu theo sự hướng dẫn của GV.	- Thực tế + Xã hội loạn lạc, bất công: + Quan lại tham nhũng, bóc lột nhân dân. + Nhân dân lâm vào cảnh đói khổ.
Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ sung.	+ Gia đình ông bà Đại Cát: + Của cải có được là do bóc lột nhân dân. + Họ tham lam, bủn xỉn, không muốn chia sẻ với người khác.
Bước 4: Đánh giá sản phẩm - (Đầu tiết học) GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn học sinh đã viết. GV đánh giá theo yêu cầu	- Xung đột + Lí tưởng của nhân vật mâu thuẫn với thực tế xã hội: Ông bà Đại Cát muốn giữ gìn của cải, nhưng thực tế xã hội, thời thế khiến họ phải lo lắng, sợ hãi. U Trinh muốn giúp đỡ người nghèo, nhưng thực tế là bà không có đủ khả năng. => Lí tưởng của nhân vật mâu thuẫn với bản chất của họ.
	- Hậu quả + Xung đột giữa thực tế và lí tưởng khiến nhân vật rơi vào bế tắc, không tìm ra lối thoát.

viết đoạn văn.	- Ý nghĩa + Thể hiện sự phê phán của tác giả đối với xã hội bất công: Xã hội khiến con người phải đánh mất lí tưởng. Con người phải sống trong lo lắng, sợ hãi. + Thể hiện niềm tin vào con người: Con người vẫn luôn hướng đến những điều tốt đẹp. Con người cần phải đấu tranh để thay đổi xã hội. Xung đột giữa thực tế và lí tưởng là một chủ đề quan trọng trong văn học. Xung đột này được thể hiện rõ nét trong đoạn trích "Giấu của" của Lòng Chương. Qua đó, tác giả đã thể hiện sự phê phán của mình đối với xã hội bất công và niềm tin vào con người.
----------------	--

4. Củng cố: Hs lưu ý cách khai thác một văn bản kịch

5. HDVN:

- Hs ôn tập lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị phần viết

KẾT NỐI TRI THỨC

ĐIỂM SỐ - ĐÁP ÁN - ĐOÀN T

Ngày soạn:

BÀI 5:

TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

PHẦN 2: VIẾT

Tiết 48, 49: VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

Thời gian thực hiện: 02 tiết

Giáo viên soạn:

- Nguyễn Thị Tuyết Trang, Trường THPT Trần Quang Diệu, Mộ Quảng, Quảng Ngãi.

- Lê Thị Hồng Nhung, Trường THPT Tông Lệnh, Thuận Châu, Sơn La.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được đặc trưng của văn bản báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- Nắm được đặc điểm của vấn đề nghiên cứu và lí giải được đặc điểm đó từ nhiều góc độ.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được yêu cầu cần đạt của kiểu bài.
- Thực hành viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu, dụng cụ khác (nếu cần).

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV cho học sinh kể tên các vấn đề tự nhiên, xã hội.
- HS liệt kê, tổng hợp.

c. Sản phẩm: Kết quả tìm hiểu và câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nêu một số đề tài trong tự nhiên và xã hội có tính vấn đề cần được nghiên cứu và làm rõ	Gợi ý : -Hành động của giới trẻ trong phong trào tái chế vật liệu đã qua sử dụng để bảo vệ môi trường.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, tìm chủ đề.	
B3. Báo cáo thảo luận:	- Vai trò của những người

HS chia sẻ và bộc lộ quan điểm của mình (Gv cho 1-2 HS trình bày, các HS khác bổ sung) B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và kết luận	có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay....
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

- a. Mục tiêu:** HS biết được những yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- b. Nội dung:** Yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- c. Sản phẩm:** Yêu cầu của kiểu bài
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Đề viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội cần lưu ý những yêu cầu nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs đọc mục Yêu cầu, sgk.tr146 B3. Báo cáo thảo luận: Hs trả lời ngắn gọn yêu cầu của kiểu bài B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv kết luận	- Giới thiệu được đề tài nghiên cứu. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm rõ ràng. - Thể hiện được cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết. - Biết vận dụng các thao tác nghiên cứu cơ bản, khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy. - Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng qui định.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

- a. Mục tiêu:**
- Hs xác định được ý nghĩa việc đặt nhan đề cho bài báo cáo nghiên cứu.
 - Hs xác định được hệ thống luận điểm, cứ liệu minh họa.
 - Hs chỉ ra tính chất ngôn ngữ khách quan, khoa học của bài nghiên cứu, xác định quan điểm, đánh giá riêng của tác giả.
 - Hs khái quát được ý nghĩa của vấn đề báo cáo nghiên cứu.
- b. Nội dung:** Hs tìm hiểu bài viết tham khảo “*Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa*”
- c. Sản phẩm:** HS phân tích được bài viết tham khảo để hiểu rõ cách thức viết bài nghiên cứu
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc và phân tích bài viết tham khảo, trả lời các câu hỏi tr 149 Nhóm 1 câu 1 Phiếu 1.1 <table border="1"> <tr> <td>Nhan đề</td><td>Đề tài:</td></tr> <tr> <td></td><td>Nội dung:</td></tr> <tr> <td></td><td>Phạm vi:</td></tr> <tr> <td></td><td>Nhận xét chung:</td></tr> </table> Nhóm 2 câu 2	Nhan đề	Đề tài:		Nội dung:		Phạm vi:		Nhận xét chung:	1. Nhan đề: Nhan đề của bài báo cáo cho biết thông tin về đề tài, nội dung và phạm vi nghiên cứu như sau: <table border="1"> <tr> <td>Nhan đề</td><td>Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.</td></tr> <tr> <td></td><td>Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...</td></tr> <tr> <td></td><td>Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.</td></tr> <tr> <td></td><td>Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát</td></tr> </table>	Nhan đề	Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.		Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...		Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.		Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát
Nhan đề	Đề tài:																
	Nội dung:																
	Phạm vi:																
	Nhận xét chung:																
Nhan đề	Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.																
	Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...																
	Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.																
	Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát																

Phiếu 1.2

STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu
1			
2			
3			

Nhóm 3 câu 3

Nhóm 4 câu 4,5

- HS nhóm 1,2 hoàn thành nhiệm vụ vào *phiếu học tập số 1*

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Hs đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

B3. Báo cáo thảo luận:

Đại diện các nhóm chia sẻ sản phẩm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Hs khác nhận xét. Gv nhận xét, kết luận.

2. Luận điểm :

STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu
1	Sự đổi mới về chủ đề và nội dung trong mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa phản ánh đa dạng các chủ đề về đời sống xã hội, con người và thiên nhiên, thể hiện quan điểm mới mẻ, cởi mở và hướng đến hiện thực.	- Phân tích các tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc tiêu biểu của thời kì này. - So sánh các tác phẩm mỹ thuật trước thời kì mở cửa. - lấy dẫn chứng về các tác phẩm cụ thể và tác phẩm của chúng.
2	Sự xuất hiện của các trào lưu nghệ thuật mới	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa tiếp nhận và sáng tạo các trào lưu nghệ thuật mới từ phương tây, tạo nên sự đa dạng và phong phú trong ngôn ngữ nghệ thuật.	- Giới thiệu các trào lưu nghệ thuật mới xuất hiện trong thời kì này như trừu tượng, biểu hiện, tối giản,.. - Phân tích các tác phẩm tiêu biểu của từng trào lưu. - Đánh giá ảnh hưởng của các trào lưu nghệ thuật mới đối với nền mỹ thuật Việt Nam.
3	Ảnh hưởng của nghệ thuật quốc tế.	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa giao lưu và hội nhập với nghệ thuật quốc tế, góp phần	- Phân tích sự giao lưu, hội nhập của mỹ thuật Việt Nam với nghệ thuật quốc tế

			nâng cao vị thế của mỹ thuật Việt Nam trên trường quốc tế. qua các triển lãm, hội thảo, và các hoạt động giao lưu nghệ sĩ. - Đánh giá ảnh hưởng của nghệ thuật quốc tế đối với mỹ thuật Việt Nam. - lấy dẫn chứng về các nghệ sĩ Việt Nam thành công trên trường quốc tế.
3. Các đặc điểm của ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo nghiên cứu: Ngôn ngữ chính xác, logic, khách quan, khoa học và rõ ràng, mang đặc trưng của ngôn ngữ khoa học. 4. Tác dụng của tranh minh họa: tranh minh họa giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của văn bản, tăng tính thẩm mỹ và thu hút người đọc, gây ấn tượng và dễ dàng ghi nhớ thông tin, tạo sự đa dạng và phong phú cho văn bản. 5. Tính chất của các tài liệu tham khảo: uy tín, tin cậy, liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, được xuất bản gần đây; dễ tìm kiếm và truy cập.			

Nội dung 3: Quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

a. Mục tiêu: Hs định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: Quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Qua quá trình tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy rút ra quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. B3. Báo cáo thảo luận: 1 Hs trình bày, hs khác bổ sung	1. Chuẩn bị viết - Lựa chọn đề tài. - Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin. - Xây dựng đề cương + Đặt vấn đề: Đề cập được vấn đề nghiên cứu. + Giải quyết vấn đề : Các luận điểm phải được triển khai rõ ràng, có hệ thống. + Kết luận: Tổng kết kết quả nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo. 2. Viết + Khi trình bày các luận điểm, người viết đồng thời

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, kết luận	cho thấy cách tiếp cận riêng và quan điểm riêng của mình đối với vấn đề nghiên cứu. + Trong quá trình viết, cần chú ý sắp xếp và trình bày các phương tiện hỗ trợ như sơ đồ, bảng biểu, tranh ảnh,..phù hợp với nội dung được thể hiện ở kênh chữ. 3. Chỉnh sửa, hoàn thiện Chú ý kiểm tra tính chính xác cả về nội dung và hình thức + Về nội dung: các tiêu mục của bài viết cần tường minh, đầy đủ; luận điểm được triển khai rõ ràng - Về hình thức: trình bày đúng qui cách của một báo cáo nghiên cứu; tài liệu tham khảo được tách thành phần riêng; các phương tiện phi ngôn ngữ được thể hiện hợp lý; chính tả, diễn đạt đảm bảo chuẩn mực)
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Học sinh thực hành viết

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, 2 nhóm chung một đề tài; mỗi nhóm thiết lập đề cương bài viết báo cáo nghiên cứu. Sau đó mỗi nhóm trình bày và nhóm còn lại phản biện, bổ sung.

- Nhóm 1, 2: Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay

- Nhóm 3, 4: Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng

c. Sản phẩm: Đề cương và bài viết của hs

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs lựa chọn đề tài, thu thập và xử lý thông tin. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs tiến hành nhiệm vụ ở nhà với nhiệm vụ đã được giáo viên thông báo từ trước tiết học. B3. Báo cáo thảo luận: - Hs đại diện nhóm trình bày - Nhóm còn lại bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét	- Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay - Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng

*** Xây dựng đề cương:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Các nhóm thu thập thông tin và xây dựng đề cương cho nội dung của nhóm mình - Tài liệu tham khảo: có thể sử dụng đa dạng nhưng phải ghi rõ nguồn B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thu thập thông tin và xây dựng đề cương	Đề tài: Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay - Đặt vấn đề : Trong thời đại số hóa, sức ảnh hưởng của người nổi tiếng có thể tác động lớn đến những người dùng khác trên mạng xã hội đặc biệt là thanh niên. - Giải quyết vấn đề : Tầm ảnh hưởng của người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội góp phần : + Thúc đẩy những hành động tích cực, nhân ái. + Truyền cảm hứng, trở thành nguồn động lực giúp thanh

B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức	niên nỗ lực hơn trong cuộc sống. ... - Kết luận : Không thể phủ nhận vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay. Tuy nhiên, vì nhiều lí do, thanh niên dễ bị tác động tiêu cực từ người nổi tiếng. Rất cần sự tiếp nhận “khôn ngoan”. - Tài liệu tham khảo Đề tài: Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng - Đặt vấn đề :Xu hướng âm nhạc mới: Giao thoa giữa yếu tố dân tộc và xu thế hiện đại (còn gọi là Folktronica). - Giải quyết vấn đề : + Sự thành công của DTAP - nhóm nhạc sĩ kiêm nhà sản xuất ca khúc gắn với thành công của Hoàng Thùy Linh với các tác phẩm như See tình, Gieo quẻ... + DTAP tiếp tục tạo dấu ấn khi kết hợp cùng Phương Mỹ Chi trong MV Vũ trụ có anh và album Vũ trụ cò bay + Nữ ca sĩ Hòa Minzy đóng góp ca khúc Thị Mầu - Kết luận: Kết quả chứng minh sự kết hợp phong cách hiện đại với chất liệu dân gian rất được Gen Z ưa chuộng, bởi thế hệ trẻ ngày nay vừa coi trọng nền văn hóa phong phú của nước nhà, vừa khát khao mang những nét đặc sắc của Việt Nam vươn tầm thế giới. - Tài liệu tham khảo
---	--

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs				Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs làm việc cá nhân Hs viết theo nội dung đề cương mà nhóm đã thảo luận và chỉnh sửa hoàn thiện B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hành viết và chỉnh sửa bài viết của mình B3. Báo cáo thảo luận: HS các nhóm đọc bài viết và góp ý cho nhau theo các tiêu chí trong phiếu số 2				
STT	Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt	
1	Giới thiệu đề tài nghiên cứu.			
2	Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm			
3	Thể hiện cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết			
4	Khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy			
5	Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; có thuyết minh các hình ảnh minh họa; có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết			

	trình bày phân tài liệu tham khảo theo đúng quy định			
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét về quá trình thực hiện của học sinh				

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Hs phân tích được những ưu và nhược điểm trong bài thực hành viết của bản thân.

b. Nội dung: Đọc to và phân tích điểm đạt và chưa đạt của 1 hoặc 2 bài viết

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Gv nhận xét chung về bài làm của hs: ưu điểm, khuyết điểm - Phân tích 1, 2 bài làm của hs để rút kinh nghiệm chung. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Hs đọc bài của mình - Những hs khác đối chiếu với phiếu đánh giá để nhận xét B3. Báo cáo thảo luận: Hs nhận xét bài làm của bạn sau quá trình lắng nghe và đối chiếu B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét chung	1. Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Nêu được đề tài - Xây dựng hệ thống luận điểm - Biết vận dụng các thao tác - Khai thác nguồn tin - Thể hiện được quan điểm cá nhân 2. Nhận xét chung * Ưu điểm: – Một số bài viết đảm bảo đúng quy trình của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. - Bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề. Lập luận thuyết phục. - Nguồn tài liệu tham khảo có tính minh xác – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. * Khuyết điểm: – Một số bài viết rất chung chung, mang tính một bài nghị luận xã hội chứ chưa phải bài báo cáo nghiên cứu. - Tham khảo tài liệu nhưng không công khai tài liệu tham khảo. – Nhiều bài trình bày cầu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ

4. Củng cố: Hs khái quát lại những điểm lưu ý của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội để phân biệt với kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trên các phương diện: đánh giá cá nhân; thu thập, phân tích, xử lý thông tin; hình ảnh minh họa.

5. HDVN:

- Hs ôn tập lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị bài Nói và nghe

Ngày soạn:

BÀI 5:

TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

PHẦN 3: NÓI VÀ NGHE

Tiết 50:

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

Thời gian thực hiện: 01 tiết

Giáo viên soạn:

- **Nông Thị Hương, Trường THPT Thông Nông, Hà Quảng, Cao Bằng.**

- **Nguyễn Thị Phượng, Trường THPT Vũ Duy Thanh, Yên Khánh, Ninh Bình.**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu.
- Biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày rõ ràng và hấp dẫn

2. Về năng lực:

- HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe.
- HS giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài.
- HS trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính.
- HS sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, các phần mềm hỗ trợ trình bày báo cáo (Powpoint, Canva, Azota, Googleform...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Nhắc HS nhớ lại kiến thức bài trình bày báo cáo đã học ở lớp 10, tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV chiếu video thuyết trình về một bài báo cáo
- HS theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý

c. Sản phẩm: Những điều HS khắc sâu về bài báo cáo

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video https://www.youtube.com/watch?v=DCqtM_uLBgU	HS nhớ lại cách tiến hành bài báo cáo - Chuẩn bị bài báo cáo logic, khoa học
B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý khi báo cáo	- Tự tin thuyết trình - Thay thế phần thuyết trình bằng các bảng biểu hoặc sơ đồ tư duy, phương tiện phi ngôn ngữ
B3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh chia sẻ	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**a. Mục tiêu:**

- Học sinh xác định được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề, nội dung cần trình bày, hình thức trình bày
- Học sinh trình bày khái quát kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm bài nói
- Học sinh nêu được thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm:

- Những lưu ý của HS rút ra được từ bài học mục chuẩn bị nói, dàn ý bài báo cáo.

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm				
Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị nói B1. Chuyển giao nhiệm vụ (đã được chuẩn bị ở nhà) - Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị nói. - HS đọc và ghi chép lại các thông tin về những điều cần xác định khi chuẩn bị nói? - Chú ý chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ trong bài báo cáo (nếu có). B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh đọc sgk và rút ra những nội dung cần chuẩn bị khi nói B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh bổ sung khi cần thiết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét ưu điểm, hạn chế và chốt kiến thức, kĩ năng.	I. Chuẩn bị nói - Tìm hiểu về đối tượng nghe, bối cảnh giao tiếp: Trả lời cho câu hỏi: Ai nghe, nghe trong hoàn cảnh nào? - Xác định mục đích giao tiếp: Báo cáo nghiên cứu này nhằm mục đích gì? - Xác định nội dung cần trình bày? - Xác định hình thức trình bày, phương tiện hỗ trợ: Chuẩn bị powerpoint với các thông tin chất lượng, hình ảnh, video minh họa sinh động, thể hiện nét đặc trưng của báo cáo nghiên cứu nhằm đảm bảo: Tối giản, trực quan và ấn tượng. - Hình thức tổ chức: Buổi hội thảo, sắp xếp kiểu bàn ghế, chọn MC, thư kí...				
Nhiệm vụ 2: Thực hành nói B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại dàn ý bài báo cáo gồm những phần nào? Nội dung gì? GV chọn 2 hoặc 3 nhóm trong số 4 nhóm đã giao nhiệm vụ ở nhà lên trình bày bài nghiên cứu B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS nhắc về yêu cầu dàn ý của bài nói - Học sinh thực hành nói – nghe bài đã chuẩn bị ở nhà B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh các nhóm lắng nghe báo cáo theo văn bản đã chuẩn bị trước, ghi nhận xét và đặt câu hỏi (hoặc bổ sung ý kiến) thảo luận ra giấy. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và	II. Thực hành nói <table border="1"> <thead> <tr> <th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> - Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề. - Triển khai: Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi phản ứng của người nghe trong quá trình trình bày và có điều chỉnh cần thiết. - Kết luận: Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá, khái quát, mở rộng, liên hệ..., bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe. </td><td> - Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình bày (nếu có) </td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	- Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề. - Triển khai: Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi phản ứng của người nghe trong quá trình trình bày và có điều chỉnh cần thiết. - Kết luận: Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá, khái quát, mở rộng, liên hệ..., bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe.	- Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình bày (nếu có)
Người nói	Người nghe				
- Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề. - Triển khai: Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi phản ứng của người nghe trong quá trình trình bày và có điều chỉnh cần thiết. - Kết luận: Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá, khái quát, mở rộng, liên hệ..., bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe.	- Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình bày (nếu có)				

những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.

Nhiệm vụ 3: Trao đổi, đánh giá

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá về bài trình bày của nhóm bạn

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ đặt câu hỏi, phản biện về vấn đề vừa trình bày

B3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên các tiêu chí gợi ý sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được các vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài, những kết luận và phát hiện chính		
2	Trình bày được một cách rõ ràng, mạch lạc những luận điểm chính, các thông tin chi tiết làm rõ luận điểm		
3	Lựa chọn hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, ... phù hợp để trực quan hóa, cụ thể hóa thông tin		
4	Sử dụng ngôn ngữ và ngữ điệu hiệu quả		
5	Lắng nghe và phản hồi tích cực từ những câu hỏi, phản biện của người nghe		

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.

III. Trao đổi, đánh giá

- HS trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn

Người nói	Người nghe
- Bàn luận về các nhận xét và trả lời câu hỏi của người nghe. - Xác định hướng tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo đã thực hiện.	- Nhận xét ngắn gọn về bài trình bày cả nội dung và hình thức. - Nêu ý kiến trao đổi, đặt câu hỏi xung quanh vấn đề được thuyết trình.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ để thực hành bài nói và nghe

b. Nội dung: HS các nhóm được phân công nhiệm vụ đã chuẩn bị bài báo cáo, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài nói và nghe đã chuẩn bị trước ở nhà theo rubric đánh giá

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS có kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	HS thực hiện bài báo cáo và

Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm còn lại lên trình bày bài nghiên cứu của nhóm mình B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trình bày bài đã chuẩn bị ở nhà, các nhóm còn lại lắng nghe B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên các tiêu chí gợi ý ở phần trên Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.	trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo ở nhà

b. Nội dung: HS báo cáo vấn đề đã nghiên cứu dựa trên văn bản đã chuẩn bị

c. Sản phẩm: Bài báo cáo của HS

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà Học sinh tiếp tục chuẩn bị bài báo cáo và thảo luận B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trình bày phần bài làm của mình B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Trao đổi 1. Người nghe Dựa vào các tiêu chí đánh giá đã xây dựng để tiếp tục suy nghĩ về vấn đề và có thể đóng góp ý kiến bổ sung sau giờ học. 2. Người nói Tiếp thu các ý kiến đóng góp phù hợp và hoàn thiện bài báo cáo.

4. củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kỹ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn bài mới theo hệ thống gợi dẫn SGK.

Ngày soạn:

BÀI 5:

TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

Tiết – THỰC HÀNH ĐỌC:

VĂN BẢN:

CĂN THẬN HẢO

(Trích: Thợ cạo thành Xê vin (Séville)- Bô – mác -se – Beaumarchais)

Thời gian thực hiện: 01 tiết

Giáo viên soạn:

- Nguyễn Thu Loan, Trường THPT Vĩnh Chân, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ
- Đoàn Thị Hải Yến, Trường THPT Mỏ Trạng, Yên Thế, Bắc Giang.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Hs biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng về thể loại hài kịch để thực hành đọc.
- Hs nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của hài kịch.
- Hs hiểu ý nghĩa, tác dụng của tiếng cười trong văn bản.

2. Về năng lực:

Hs biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng về thể loại hài kịch để thực hành đọc.

3. Về phẩm chất:

- HS biết suy nghĩ và hành động vì xã hội, tránh lối suy nghĩ nhỏ nhen, tì tiện, ích kỉ trong cuộc sống.
- HS biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội, sống có khát vọng, vui tươi, tự nhiên, trung thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU :

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng phụ, phương tiện khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, các phần mềm hỗ trợ trình bày báo cáo(Powpoint, Canva, Azota, Googlefom...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Hs tạo được hưng phấn và tâm thế để khám phá trọng tâm bài học
- Nhận biết và nêu ý nghĩa của những câu chuyện hài trong văn chương và trong cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv cho lớp xem video https://youtu.be/OovXry9lays?si=vdWgcOHLbOGs5mWI B2. Thực hiện nhiệm vụ: Xem và chia sẻ ý nghĩa câu chuyện B3. Báo cáo thảo luận: Hs chia sẻ quan điểm của mình, cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV cho hs nhận xét chéo, chốt kiến thức.	* Ý nghĩa : - Câu chuyện phê phán lòng tham, ích kỉ, sự hà tiện của con người trong cuộc sống. - Qua câu chuyện khuyên chúng ta phải biết bao dung, vị tha, biết chia sẻ với sự khó khăn, niềm vui nỗi buồn ...với mọi người

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: Hs biết cách đọc một tác phẩm hài kịch

- Nắm bắt được đặc điểm và các thủ pháp cơ bản của hài kịch
- Nhận biết và phân tích được tình huống và các chi tiết gây cười.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu Hs đọc văn bản và hoàn thành Phiếu học tập (ở nhà) B2. Thực hiện nhiệm vụ : Hs làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận : Hs gửi kết quả làm việc qua Phiếu học tập cho GV kiểm tra, đánh giá B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV tổ chức đánh giá kết quả làm bài tập của Hs (trên lớp) dựa trên bảng thông tin phản hồi Phiếu học tập.	THÔNG TIN PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP Câu 1: Đặc điểm của nhân vật hài kịch xuất hiện trong đoạn trích : - <i>Đặc điểm của nhân vật hài kịch xuất hiện trong đoạn trích :</i> + Háo danh, sĩ diện hão , thích khoe khoang. + Thiếu hiểu biết, hay tin người, cả tin. + Dễ bị lừa gạt, mắc lừa . + Ngây thơ, tin tưởng người khác một cách mù quáng. + Luôn tự cho mình là thông minh, hiểu biết hơn người khác. - <i>Hành động</i> + Luôn tỏ ra quan trọng, ra vẻ hiểu biết. + Hay nói khoác, phóng đại sự thật. + Dễ dàng tin vào những lời hứa hẹn, dụ dỗ. + Hành động thiếu suy nghĩ, bốc đồng. + Gặp nhiều tình huống oái oăm, dở khóc dở cười. - <i>Lời nói</i> + Thường sử dụng những từ ngữ hoa mỹ, bóng gió để khoe khoang. + Hay nói những câu nói sáo rỗng, thiếu thực tế. + Dễ dàng bị lừa bởi những lời nói ngon ngọt. - <i>Tác dụng</i> + Tạo tiếng cười cho người đọc, người xem. + Phê phán những tính cách xấu xa, lộ bịch trong xã hội. + Giáo dục con người sống trung thực, cẩn thận, không nên hão danh, sĩ diện. Câu 2: Các thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng *Gợi ý <i>Các thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng</i> - <i>Phóng đại</i> + Tác giả phóng đại tính cách, hành động của nhân vật để làm nổi bật sự lộ bịch, hài hước: Thầy đồ được miêu tả là “kẻ sĩ háo danh, hay khoe khoang”, “dốt nát”, “ngây thơ”, “dễ tin người”,... - <i>So sánh</i> + So sánh nhân vật với những vật dụng tầm thường để hạ thấp giá trị của nhân vật: So sánh thầy đồ với “con lừa”, “con bò”. - <i>Châm biếm</i>

	+ Sử dụng những lời khen ngợi, mỉa mai để vạch trần sự giả dối, lộ bịch của nhân vật: “Thầy quả là một bậc thầy uyên bác”, “Thầy thật là một người tài ba”... - <i>Nghệ thuật đối lập</i> + Đối lập giữa lời nói và hành động, giữa bề ngoài và bản chất nhân vật. - <i>Ngôn ngữ trào phúng</i> + Sử dụng những từ ngữ có tính mỉa mai, châm biếm: “kẻ sĩ hảo danh”, “dốt nát”, “ngây thơ”, “dễ tin người”,... - <i>Tác dụng</i> + Tạo tiếng cười cho người đọc, người xem. + Phê phán những tính cách xấu xa, lộ bịch trong xã hội. + Giáo dục con người sống trung thực, cẩn thận, không nên hảo danh, sĩ diện. - Khi tên lừa đảo hứa hẹn sẽ cho thầy đồ “được làm quan to”, “sẽ có nhiều tiền”, thầy đồ “vui mừng khôn xiết”, “tin tưởng rầm rập”.... + Khi tên lừa đảo lấy hết tiền của thầy đồ, thầy đồ “vô cùng tức giận”, “nhưng cũng đành chịu”. - <i>Nhận xét</i> + Tác giả sử dụng các thủ pháp trào phúng một cách hiệu quả để làm nổi bật tính cách lộ bịch, hải hước của nhân vật, đồng thời phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. Câu 3: Tình huống gây cười và chi tiết về sự “cẩn thận hão” *Gợi ý <i>Tình huống gây cười và chi tiết về sự “cẩn thận hão” trong đoạn trích</i> - <i>Tình huống gây cười</i> + Sự mỉa mai: Tên lừa đảo lợi dụng sự hảo danh, sĩ diện của thầy đồ để lừa gạt. + Sự ngây thơ, cả tin: Thầy đồ dễ dàng tin vào những lời hứa hẹn của tên lừa đảo. + Sự lộ bịch: Thầy đồ “cẩn thận” một cách thái quá, nhưng lại không hề đề phòng những kẻ lừa đảo. *Chi tiết về sự “cẩn thận hão”: - <i>Thầy đồ</i> + “Cẩn thận” đến mức “không dám đi ra ngoài, “luôn ở trong nhà”. + “Cẩn thận” đến mức “không dám nói chuyện với ai”, “chỉ nói chuyện với con lừa”. + “Cẩn thận” đến mức “không dám ăn uống gì”, “chỉ ăn cỏ”. - <i>Tên lừa đảo</i> + Lợi dụng sự “cẩn thận” của thầy đồ để giả vờ là “người tốt bụng”. + Hứa hẹn sẽ giúp thầy đồ “được làm quan to”, “sẽ có nhiều tiền”.
--	---

	+ Dễ dàng lừa gạt thầy đồ và lấy hết tiền của thầy. - <i>Tác dụng</i> + Tạo tiếng cười cho người đọc, người xem + Phê phán những tính cách xấu xa, lối bịch trong xã hội. + Giáo dục con người sống trung thực, cẩn thận, không nên hão danh, sĩ diện. - <i>Biểu hiện</i> + Khi tên lừa đảo đến nhà thầy đồ, thầy đồ “vô cùng hoảng sợ”, “chạy trốn vào nhà”. + Khi tên lừa đảo hứa hẹn sẽ giúp thầy “được làm quan to”, “sẽ có nhiều tiền”, thầy đồ “vui mừng khôn xiết”, “tin tưởng răm rắp”. + Khi tên lừa đảo lấy hết tiền của thầy đồ, thầy đồ “vô cùng tức giận”, “nhưng cũng đành chịu”. - <i>Nhận xét</i> + Tác giả sử dụng các thủ pháp trào phúng một cách hiệu quả để làm nổi bật tính cách lối bịch, hão danh của nhân vật, đồng thời phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập
Thực hành đọc: CẨN THẬN HẢO (Trích Thợ cạo thành Xê-vin - Sesville) Bô - mác - se
Câu 1: Đặc điểm của nhân vật hài kịch xuất hiện trong đoạn trích
Câu 2: Các thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng.
Câu 3: Tình huống gây cười và chi tiết về sự “cẩn thận hảo”.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của hài kịch.
- HS hiểu ý nghĩa, tác dụng của tiếng cười trong văn bản.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, 2 nhóm chung một đề tài; mỗi nhóm xây dựng đề cương bài viết để trình bày. Sau đó mỗi nhóm trình bày và nhóm còn lại phản biện, bổ sung.

Nhóm 1, 2: Qua một số văn bản hài kịch (đã học) trong sách giáo khoa Ngữ văn 8 và văn bản bi kịch (đã học) trong sách giáo khoa Ngữ văn 11 (Bài 5. Bản khoán tìm lẽ sống), hãy chỉ ra sự khác nhau về xung đột trong tác phẩm bi kịch và tác phẩm hài kịch.

Nhóm 3,4: Sau khi đọc xong đoạn trích “Hạnh phúc của một tang gia” – Vũ Trọng Phụng, em rút ra được bài học gì?

c. Sản phẩm: Đề cương và bài viết của hs

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm		
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs lựa chọn đề tài, thu thập và xử lý thông tin. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs tiến hành nhiệm vụ ở nhà với nhiệm vụ đã được giáo viên thông báo từ trước tiết học. B3. Báo cáo thảo luận: - Hs đại diện nhóm trình bày - Nhóm còn lại bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét	Nhóm 1,2: Qua một số văn bản hài kịch (đã học) trong sách giáo khoa Ngữ văn 8 và văn bản bi kịch (đã học) trong sách giáo khoa Ngữ văn 11 (Bài 5. Bản khoán tìm lẽ sống), hãy chỉ ra sự khác nhau về xung đột trong tác phẩm bi kịch và tác phẩm hài kịch. Trả lời:		
	Yếu tố	Hài kịch	Bi kịch
	Xung đột	- Đối tượng thể hiện của hài kịch là cái xấu, cái không có giá trị, không có nội dung, nhưng luôn tỏ ra là có nội dung, có giá trị.	- Bi kịch phản ánh những mâu thuẫn, xung đột căng thẳng không thể giải quyết trong đời sống hiện thực, vì thế được kết thúc bằng sự thảm bại, hoặc cái chết của nhân vật.
	Nhân vật	- Các tính cách, hành động và tình huống được trình bày trong hài kịch dưới hình thức cười nhạo hoặc châm chọc hài hước. Ở các nhân vật hài kịch, phẩm chất bên trong không tương xứng với vị trí, thân phận của nó, và do vậy nó đáng là nạn nhân của tiếng cười. Hài kịch tạo ra tiếng cười hả hê, sảng khoái, thể hiện thái	- Nhân vật của bi kịch bao giờ cũng là con người lương thiện, dũng cảm, anh hùng, cao thượng, đấu tranh vì mục đích tốt đẹp, vì lí tưởng cao quý, nhưng điều kiện khách quan chưa cho phép thực hiện. Cái chết hoặc sự thảm bại của nhân vật mang lại cho độc

		độ châm biếm, đả kích, vạch trần cái xấu, cái què quặt, méo mó của nhân cách hoặc hoàn cảnh xã hội để góp phần hoàn thiện con người và đời sống. Hải kịch sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật như nói mỉa, chơi chữ, phóng đại, tăng cấp, tương phản, đối lập... Phạm vi của hải kịch rất rộng, từ châm biếm chính trị đến hải hước vui nhộn nhẹ nhàng. Dựa vào nội dung, hải kịch có thể chia thành hai thể nhỏ: hải kịch tình huống và hải kịch tính cách. Nhóm 3,4: Sau khi đọc xong đoạn trích “Hạnh phúc của một tang gia” – Vũ Trọng Phụng ,em rút ra được bài học gì? Trả lời: - Sống trân trọng những gì mình đang có, không đua đòi, hình thức. - Biết yêu thương và trân trọng gia đình, tránh lối sống vô cảm, ích kỷ bản thân.	giả và khán giả sự thanh lọc tâm hồn.
--	--	--	---------------------------------------

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu:

- HS biết cách tìm hiểu để làm rõ vấn đề từ một tác phẩm văn học cụ thể.
- HS biết cách đọc tích cực từ văn bản để tự trau dồi kinh nghiệm sống, hình thành thái độ ứng xử nhân văn trước cuộc đời.

b. Nội dung: Đọc to và phân tích điểm đạt và chưa đạt của 1 hoặc 2 bài viết

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Gv nhận xét chung về bài làm của hs: ưu điểm, khuyết điểm - Phân tích bài làm của nhóm 1 và 3 để rút kinh nghiệm chung. B2. Thực hiện nhiệm vụ:	Nhận xét chung * Ưu điểm: - Bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề . Lập luận thuyết phục. * Khuyết điểm: - ND bài viết còn sơ sài, ví dụ

- Hs đọc bài của mình - Hs khác đối chiếu với phiếu đánh giá để nhận xét B3. Báo cáo thảo luận: Hs nhận xét bài làm của bạn sau quá trình lắng nghe và đối chiếu B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét chung	còn chung chung - Cách trình bày cứng nhắc còn mang tính chất diễn thuyết.
---	---

4. Củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kỹ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn bài mới theo hệ thống gợi dẫn SGK.

- Chuẩn bị bài : Ôn tập Học kì 1

KẾT NỐI TRI THỨC

ĐIỂM SỐ - ĐỢP TÁC - SOẠN BÀI